TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÙNG KHÁNH** T□NH CAO B□NG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/ HNGĐ-ST
Ngày 05 tháng 6 năm 2019
V/v: Xin Ly hôn giữa chi H và anh N

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH - TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông La Văn Viên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Tâm.
2. Ông Lương Ngọc Cảnh

- Thư ký phiên toà*:* bà Công Thị Xuân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh *tham gia phiên tòa*: Ông Hoàng Đức Cường - Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 17 /2019/TLST-HNGĐ ngày25 tháng 4 năm 2019. Về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXX- ST ngày20 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị H; Sinh năm: 1979
Trú tại: Tổ 10 thị trấn T K - huyện T K - tỉnh Cao Bằng.

(Có mặt)

Bị đơn: Hoàng Văn N ; Sinh năm: 1979
Trú tại: Tổ 10 thị trấn T K - huyện T K - tỉnh Cao Bằng

(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 4 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Nguyễn Thị H trình bày như sau: Tôi (H) và anh N kết hôn vào ngày 04/11/2003, Việc kết hôn trên cơ sở do bố mẹ sắp đặt và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Không có giấy đăng ký kết hôn, cưới xong tình cảm vợ chồng bình thường, đã có thời gian sống chung và có một con chung đặt tên là Hoàng Hùng V sinh ngày 26/01/2005. Hiện nay con ở với anh N tại tổ 10 thị trấn Trùng Khánh.

Nguyên nhân, lý do tôi xin ly hôn anh N: Trong quá trình sống chung, tính

tình không hợp, quan điểm sống không thống nhất hay sảy ra nhiều mâu thuẫn. Do anh N thường xuyên uống rượu say, gây mâu thuẫn chửi bới tôi, lăng mạ tôi và đuổi tôi ra khỏi nhà. Mặc dù tôi đã tha thứ và bỏ qua rất nhiều lần nhưng anh N vẫn không dừng lại mà còn tái diễn tôi cảm thấy cuộc sống chung vợ chồng không được hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đặt được nên tôi làm đơn xin ly hôn.

Chính thức cắt đứt quan hệ vợ chồng từ tháng 03 năm 2019 đến nay. Tài sản hồi môn ngày cưới, tài sản chung, tài sản riêng không có.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh N; Về con chung tôi giao cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng và tôi có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng). Về tài sản không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

□ *kiến của bị đơn anh Hoàng Văn N:* Tôi (N) và chị H kết hôn vào ngày 05/11/2003 (âm lịch), Việc kết hôn trên cơ sở do bố mẹ hai bên gia đình sắp đặt và được tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Không có giấy đăng ký kết hôn. Sau khi cưới xong vợ chồng có tình cảm, gia đình hạnh phúc, đã có thời gian sống chung và có một con chung tên cháu là Hoàng Hùng V sinh ngày 26/01/2005, hiện nay con ở với tôi tại tổ 10 thị trấn T K.

Nguyên nhân, lý do chị H xin ly hôn: Trong thời gian chung sống với nhau tính tình không hợp đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm và không thông cảm cho nhau nên chị H xin ly hôn tôi. Chúng tôi đã chính thức cắt đứt quan hệ vợ chồng từ tháng 03 năm 2019 đến nay.

Tài sản hồi môn ngày cưới, tài sản chung, tài sản riêng; không có.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết: Về quan hệ hôn nhân chị H yêu cầu ly hôn tôi không nhất trí, yêu cầu được đoàn tụ để cùng nhau nuôi dậy con.

Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn chị Nguyễn Thị H cung cấp cho Tòa án: Giấy khai sinh của con, Chứng minh nhân dân Nguyễn Thị H ngoài ra không có giấy tờ nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh phát biểu quan điểm:

Qua nghiên cứu hồ sơ thấy rằng, về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật.

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ hôn hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa chị H và anh N.

□p dụng Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, nộp án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà.

[1] Về tố tụng dân sự: Chị H và anh N kết hôn vào ngày 05/11/2003, Việc kết hôn trên cơ sở do bố mẹ sắp đặt và được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán địa phương. Không đăng ký kết hôn. Chị H có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện T K, tỉnh Cao Bằng giải quyết việc hôn nhân của anh chị. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị H và N là quan hệ không hợp pháp, không có đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương. Xét thấy, về mặt tình cảm vợ chồng, thực tế đã có cuộc sống chung có thời gian sống rất hạnh phúc và đã có với nhau 01 con chung đặt tên là Hoàng Hùng V sinh ngày 26/01/2005.

Nguyên nhân, lý do xin ly hôn theo chị H trình bày là do: Trong thời gian sống chung tính tình không hợp, quan điểm không thống nhất hay sảy ra nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được, chị cảm thấy cuộc sống chung vợ chồng không được hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đặt được nên chị H làm đơn xin ly hôn. Chính thức cắt đứt quan hệ vợ chồng từ tháng 03 năm 2019 đến nay.

[3] Tại phiên toà Hội đồng xét xử xét thấy: Tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh N không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hơn nữa chị Nguyễn Thị H và anh Hoàng Văn N không có giấy đăng ký kết hôn là trái với qui định của pháp luật. Cụ thể là trái với khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 luật hôn nhân gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 9 luật hôn nhân gia đình quy định *"Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện, Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý"* và khoản 1 Điều 14 quy định " *Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng*". Như vậy, cuộc hôn nhân giữa chị H và anh N là hoàn toàn trái với các qui định của pháp luật. Chị H làm đơn để chấm dứt quan hệ vợ chồng với anh N là có căn cứ và đúng với các qui định của pháp luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Tại phiên hòa giải ngày 17/5/ 2019 và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị H và anh Hoàng Văn N thoả thuận nhất trí giao cháu Hoàng Hùng V sinh ngày 26/01/2005 cho anh Hoàng Văn N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (18 tuổi) và chị Nguyễn Thị H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng chẵn).

[5] Về tài sản chung**:** Không có không yêu cầu Toà án giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

□p dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

□p dụng điểm a khoản 5 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, nộp án phí, lệ phí Tòa án.

1.Về Hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị H và anh Hoàng Văn N.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Hoàng Hùng V sinh ngày 26/01/2005 cho anh Hoàng Văn N trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị H phải đóng góp nuôi con với anh N số tiền là 1.000.000đ/tháng (Một triệu đồng chẵn một tháng) cho đến khi cháu V thành niên (đủ 18 tuổi).

Chị H có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3.Về chia tài sản: Tài sản không có không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm dân sự để sung công quỹ Nhà nước. Xác nhận chị H đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh theo biên lai số AA/2018/0002179 ngày 25/4/2019.

5. Báo cho các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*** Nơi nhận:**
- TAND tỉnh;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ TA tỉnh;
- VKSND TK;
- THADS TK;
- UBND Thị trấn TK;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

La Văn Viên